

KINH TẾ PHI THỊ TRƯỜNG VÀ NHỮNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

TS. PHAN ÁNH HÈ^(*)

1. Nền kinh tế phi thị trường và các quy định liên quan

Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ tháng 11/2006. Trong tất cả các điều khoản gia nhập WTO, có một cam kết ít được đề cập nhưng lại có ý nghĩa rất quan trọng, đó là: Việt Nam chấp nhận bị coi là nền kinh tế phi thị trường (Non Market Economy - NME) trong vòng 12 năm, kể từ khi gia nhập (không trễ hơn năm 2019).

Nền kinh tế phi thị trường (KTPTT) (hay còn được gọi là nền kinh tế kế hoạch tập trung ở các nước Trung và Đông Âu, Liên Xô (trước đây), Trung Quốc, Việt Nam và một số nước khác đến cuối những năm 1980, đầu những năm 1990) là nền kinh tế trong đó, nhà nước kiểm soát toàn bộ các yếu tố sản xuất và giữ quyền quyết định việc sử dụng các yếu tố sản xuất cũng như phân phối về thu nhập. Hầu hết các nước có nền kinh tế kế hoạch tập trung nay đã chuyển đổi thành nền kinh

tế thị trường hoặc đang trong quá trình hướng tới mục tiêu đó.

Hiện nay, trong WTO chỉ có hai thành viên cam kết về địa vị nền KTPTT là Việt Nam và Trung Quốc. Tuy nhiên, từ khi ra đời đến nay, WTO chưa từng đưa ra quy định nào về việc xác định thế nào là một nước được coi là có nền KTPTT, mà việc xem xét sẽ do các nước thành viên tự xác định. Chẳng hạn, theo quy định của pháp luật Hoa Kỳ, Cục Nhập khẩu thuộc Bộ Thương mại (DOC) là cơ quan có thẩm quyền xác định nước có nền KTPTT. Theo Đạo luật Thuế quan năm 1930 của Hoa Kỳ, việc một nước có bị coi là có nền KTPTT hay không sẽ được DOC quyết định dựa trên các tiêu chí: (1) Mức độ chuyển đổi của đồng nội tệ; (2) Mức độ theo đó mức lương được xác định thông qua đàm phán tự do giữa người lao động và đơn vị sử dụng lao động; (3) Mức độ theo đó việc liên doanh hoặc các dự án đầu tư nước ngoài được phép thực hiện; (4) Mức độ sở hữu của chính phủ hoặc kiểm soát của các phương tiện sản xuất; (5) Mức độ kiểm soát của Chính phủ về việc phân bổ các nguồn lực, giá cả và sản lượng của DN; (6) Các tiêu chí khác do DOC đưa ra.

^(*) Học viện Hành chính quốc gia, cơ sở Tp. Hồ Chí Minh

Việt Nam hiện vẫn bị Hoa Kỳ coi là nước có nền KTPTT. Giải thích cho quyết định này, Hoa Kỳ cho rằng, mặc dù Chính phủ Việt Nam đã tiến hành những công cuộc cải cách thị trường đáng kể trong quá trình đổi mới và phát triển kinh tế, nhưng nền kinh tế Việt Nam vẫn trong quá trình chuyển đổi và chưa thực sự đạt chuẩn là nền kinh tế thị trường chiếu theo Luật Chống phá giá; đồng tiền của Việt Nam vẫn chưa hoàn toàn tự do chuyển đổi trên thị trường vốn; thiếu vắng quyền sở hữu đất đai; cải cách trong lĩnh vực ngân hàng còn hạn chế; quá trình tư nhân hóa diễn ra chậm chạp; Nhà nước vẫn duy trì sự hiện diện đáng kể trong nền kinh tế và mức độ can thiệp của Chính phủ vào nền kinh tế vẫn còn ở mức làm cho giá cả và chi phí sản xuất chưa phải là thước đo thực sự đối với giá trị. Quy chế kinh tế này sẽ được áp dụng và được xem xét lại hàng năm cho đến khi có quyết định thay đổi của DOC.

Đối với Cộng đồng châu Âu (EC), Quy định về chống bán phá giá cũng đưa ra một số tiêu chí để xác định một nhà sản xuất nước ngoài có hoạt động trong những điều kiện của nền kinh tế thị trường hay không. Những tiêu chí đó bao gồm: (1) Quyết định liên quan đến giá cả và chi phí đầu vào được đưa ra dựa trên các tín hiệu thị trường và phản ánh quan hệ cung cầu, không có sự can thiệp quá nhiều từ phía chính phủ và chi phí chính đầu vào phản ánh đáng kể giá trị thị trường; (2) Có hệ thống sổ sách kế toán theo các tiêu chuẩn kế toán quốc tế, được kiểm toán độc lập và được áp dụng cho tất cả các mục đích; (3) Chi phí sản xuất và thực trạng tài chính không bị bóp méo nghiêm trọng bởi hệ thống KTPTT trước đó; (4) Việc tuân thủ các quy định của pháp luật về tài sản và pháp luật về phá sản; (5) Tính chắc chắn và ổn định của luật pháp; (6) Sự chuyển đổi của đồng nội tệ theo tỷ giá thị trường. Theo đó, EC đã đưa ra danh mục các nước được coi là có nền KTPTT, trong đó có Trung Quốc, Kazakhstan, Ukraine, Việt Nam...

Trong Báo cáo về việc gia nhập WTO của Việt Nam có ghi: "Một số thành viên ghi nhận Việt Nam đã liên tục đẩy mạnh quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường. Những thành viên này cũng ghi nhận rằng, sẽ gặp những khó khăn đặc thù trong việc xác định chi phí và giá cả hàng hóa xuất xứ từ Việt Nam trong các cuộc điều tra chống bán phá giá hay áp dụng các biện pháp đối kháng. Những thành viên này cho rằng, trong trường hợp đó, nước nhập khẩu có thể nhận định rằng việc sử dụng chi phí và giá cả tại Việt Nam có thể sẽ không hợp lý". Như vậy, địa vị nền KTPTT sẽ chỉ ảnh hưởng đến các doanh nghiệp (DN) Việt Nam trong hai lĩnh vực là chống bán phá giá và các biện pháp đối kháng. Trong trường hợp một thành viên của WTO nhận định rằng, việc sử dụng chi phí và giá cả tại Việt Nam là không hợp lý thì Việt Nam sẽ phải chấp nhận các quy chế riêng cho nền KTPTT khi áp dụng Hiệp định Chống bán phá giá và Hiệp định về Trợ cấp và các biện pháp đối kháng của WTO.

Theo định nghĩa tại khoản 1 Điều VI của Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) năm 1994, thì "bán phá giá là cách hàng hóa của một nước được đưa vào thị trường của nước khác với mức giá thấp hơn giá trị thông thường của hàng hóa". Nói cách khác, bán phá giá xảy ra khi giá xuất khẩu thấp hơn giá trị thông thường. Trong tất cả các cuộc điều tra chống bán phá giá, cơ quan điều tra của nước nhập khẩu phải xác định được có hành vi bán phá giá một sản phẩm nhất định hay không và phải tính toán được biên độ bán phá giá của sản phẩm đó. Việc này được thực hiện trên cơ sở so sánh giữa "giá xuất khẩu" và "giá trị thông thường" của sản phẩm. Theo Hiệp định Chống bán phá giá của WTO cũng như pháp luật về chống bán phá giá của các nước, giá trị thông thường của sản phẩm nhập khẩu sẽ được xác định bằng một trong ba cách theo thứ tự ưu tiên là:

Một là, giá bán của hàng hóa tại thị trường nội địa;

Hai là, giá bán hàng hóa sang thị trường thứ ba;

Ba là, “giá trị tính toán” của hàng hóa bằng tổng chi phí sản xuất cộng với các khoản lợi nhuận, tiền hoa hồng bán hàng và các chi phí hành chính khác, như đóng gói...

2. Những ảnh hưởng đến thương mại quốc tế của Việt Nam

Mặc dù địa vị nền KPTTT có tác động đối với các DN Việt Nam chỉ trong hai lĩnh vực là chống bán phá giá và các biện pháp đối kháng, nhưng các biện pháp này lại được sử dụng phổ biến nhất trên thế giới hiện nay (nhiều khi các biện pháp này được sử dụng một cách tràn lan và tùy tiện, làm ảnh hưởng rất lớn đến các DN xuất khẩu Việt Nam).

Tại điều khoản bổ sung thứ hai vào đoạn 1.2, Điều VI của GATT năm 1947, có quy định: “Thừa nhận rằng trong trường hợp nhập khẩu từ một nước mà thương mại hoàn toàn mang tính chất độc quyền hoặc hầu như độc quyền hoặc toàn bộ giá trong nước do nhà nước định đoạt, việc xác định tính so sánh của giá cả nhằm mục đích nêu tại khoản 1 có thể có những khó khăn đặc biệt và trong những trường hợp đó, các bên ký kết là bên nhập khẩu có thể thấy cần tính đến khả năng rằng việc so sánh chính xác với giá cả trong nước của nước đó không phải lúc nào cũng thích đáng”. Với quy định này, các thành viên của WTO thấy rằng, các quốc gia có nền KPTTT có thể cần đối xử một cách khác biệt hơn các quốc gia có nền kinh tế thị trường (Market Economy - ME) trong vụ kiện chống bán phá giá.

Dựa vào điều khoản này, nhiều nước thành viên của WTO đã không chấp nhận các thông tin về giá cả hay chi phí sản xuất được cung cấp bởi các quốc gia được xem là có nền KPTTT. Các quốc gia này cho rằng, giá cả và chi phí do các quốc gia có nền KPTTT được điều chỉnh và can thiệp bởi chính phủ,

do đó không theo quy luật của thị trường. Cơ quan điều tra sẽ sử dụng giá và chi phí sản xuất của hàng hóa tại nước thứ ba có nền kinh tế thị trường để thay thế, làm cơ sở tính toán cho giá thông thường. Trong vụ kiện, các quốc gia có nền kinh tế thị trường được lựa chọn để thay thế phải ở một mức phát triển cùng với quốc gia có nền KPTTT bị điều tra chống bán phá giá. Trong một số trường hợp, cơ quan điều tra đã xây dựng và sử dụng các thông tin tổng hợp về giá cả và chi phí. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, hầu hết các quốc gia có nền kinh tế thị trường đều phát triển hơn các quốc gia có nền KPTTT, hoặc cơ quan điều tra cố tình dùng các quốc gia có nền kinh tế thị trường phát triển hơn để làm cơ sở tính toán, với mục đích tính toán biên độ phá giá lớn hơn, từ đó mức thuế đánh vào các sản phẩm bị điều tra chống bán phá giá của các quốc gia có nền KPTTT sẽ cao hơn.

Chẳng hạn, theo pháp luật Hoa Kỳ, trong một cuộc điều tra chống bán phá giá, nếu nước xuất khẩu bị coi là có nền KPTTT thì DOC sẽ sử dụng phương pháp “các yếu tố sản xuất” để xây dựng giá trị thông thường của sản phẩm. Cụ thể, DOC sẽ nhân số hoặc khối lượng của các yếu tố đầu vào do các nhà sản xuất thuộc diện điều tra cung cấp với giá của các yếu tố đầu vào này ở nước thay thế, sau đó, DOC sẽ cộng thêm một số chi phí, như chi phí cố định, chi phí khấu hao, chi phí bán hàng, chi phí hành chính... để tính ra toàn bộ chi phí sản xuất của một đơn vị sản phẩm. Chi phí sản xuất này cộng với lãi và chi phí đóng gói theo mức ở nước thay thế được coi là giá trị thông thường của sản phẩm.

Như vậy, quy chế thương mại của nước xuất khẩu sẽ đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc xác định “giá trị thông thường” của sản phẩm trong các cuộc điều tra chống bán phá giá. Nếu nước xuất khẩu được thừa nhận là nền kinh tế thị trường thì giá cả và chi phí sản xuất tại thị trường nước xuất khẩu sẽ được sử dụng, còn nếu như nước xuất khẩu bị coi là

có nền KPTTT thì giá cả và chi phí sản xuất thực tế tại thị trường nước xuất khẩu sẽ không được xem xét, mà việc tính toán giá trị thông thường lại dựa vào giá cả và chi phí sản xuất tại nước thứ ba hay còn gọi là nước thay thế. Điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kết quả tính toán biên độ phá giá cũng như việc xác định mức thuế chống bán phá giá mà các nhà xuất khẩu phải chịu.

Khi một nước bị coi là có nền KPTTT thì các nhà xuất khẩu của nước đó sẽ gặp phải sự bất lợi rất lớn trong các cuộc điều tra chống bán phá giá, do **ba nguyên nhân chính** sau:

Một là, việc sử dụng giá và chi phí sản xuất tại nước thay thế sẽ dẫn đến biên độ bán phá giá rất cao. Mức biên độ bán phá giá cao này gần như là chắc chắn, vì các nhà sản xuất tại nước thay thế đang cạnh tranh với các nhà xuất khẩu tại nước bị coi là có nền KPTTT, do đó, sẽ không có lợi cho họ trong việc giảm thiểu việc tìm ra yếu tố bán phá giá của các nhà cạnh tranh của họ.

Hai là, việc sử dụng các số liệu của nước thay thế cũng dẫn đến việc nhiều lợi thế so sánh của nước có nền KPTTT không được xem xét trong quá trình điều tra và các DN của nước này bị áp dụng mức thuế chống bán phá giá mà lẽ ra không phải chịu nếu được coi là nước có nền kinh tế thị trường.

Ba là, việc lựa chọn nước thay thế nhiều khi rất tùy tiện. Pháp luật của các nước quy định không giống nhau về việc xác định nước thay thế. Ví dụ, theo pháp luật Hoa Kỳ, quốc gia thay thế là nước có nền kinh tế thị trường, có trình độ phát triển tương đương với nước bị kiện (chủ yếu dựa vào thu nhập quốc dân bình quân đầu người) và là nước sản xuất đáng kể mặt hàng tương tự như mặt hàng đang bị điều tra. Pháp luật của EC lại có quy định khác về nước thay thế. Quy định về chống bán phá giá của EC sử dụng khái niệm "quốc gia tương tự". Theo đó, quốc gia này phải là nước có nền kinh tế thị trường và có các tiêu chuẩn so sánh phù hợp, nhưng

không nhất thiết phải có trình độ phát triển tương đương với quốc gia có nền KPTTT có mặt hàng đang bị điều tra. Những quy định này thường là khá chung chung. Do vậy, trên thực tế, việc lựa chọn nước thay thế thường mang tính chủ quan, cộng với việc lựa chọn giá thay thế (phần nào cũng mang tính chủ quan) sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả tính biên độ phá giá.

Cho đến nay, nhiều DN của Việt Nam đã và đang phải chịu những thiệt hại trong các cuộc điều tra chống bán phá giá. Bởi vì, toàn bộ số liệu về giá cả và chi phí sản xuất tại Việt Nam đều bị cơ quan điều tra của nước nhập khẩu từ chối xem xét. Chẳng hạn, trong vụ kiện bán phá giá philê cá tra và basa từ Việt Nam vào Hoa Kỳ (năm 2003), Việt Nam bị coi là nước có nền KPTTT và Bangladesh được chọn là nước thay thế. Quyết định áp thuế được đưa ra sau khi DOC tính toán các sản phẩm philê cá tra của Việt Nam sẽ có giá thành bao nhiêu, nếu cá nguyên liệu được nuôi ở một trang trại vùng Kishoregonj của Bangladesh, sử dụng nguồn nước mua ở Ấn Độ, vận chuyển bằng xe tải của Bangladesh với chi phí lao động mà cơ quan này cho là phổ biến ở Việt Nam (căn cứ vào thu nhập bình quân đầu người lúc đó). Trong khi đó, đại đa số các nhà sản xuất, xuất khẩu philê cá tra và basa của Việt Nam đều áp dụng quy trình sản xuất khép kín từ khâu ương giống, nuôi cá, chế biến đến xuất khẩu, dẫn đến giá thành philê cá rất thấp. Tuy nhiên, yếu tố này đã không được DOC xem xét trong quá trình điều tra.

Một quốc gia bị coi là có nền KPTTT không có nghĩa là tất cả các khu vực kinh tế hay tất cả các vùng đều "phi thị trường". Điều này có nghĩa là, dù cho nước xuất khẩu bị coi là nước có nền KPTTT thì các DN sản xuất, xuất khẩu của nước này vẫn có quyền yêu cầu được áp dụng các quy định như kinh tế thị trường nếu chứng minh được rằng, DN hoạt động trong những điều kiện của nền kinh tế

thị trường và không bị can thiệp quá nhiều từ chính phủ. Nếu cơ quan điều tra của nước nhập khẩu chấp nhận thì việc tính toán biên độ phá giá của riêng các DN sản xuất, xuất khẩu này sẽ được dựa trên giá cả và chi phí sản xuất tại chính nước xuất khẩu mà không cần sử dụng nước thay thế.

Các tiêu chí để xác định khu vực kinh tế hay ngành sản xuất nào đó có hoạt động theo cơ chế thị trường hay không do pháp luật của nước nhập khẩu quy định. Theo pháp luật Hoa Kỳ, các tiêu chí này bao gồm: (1) Hoàn toàn không có sự can thiệp của Chính phủ vào việc định giá và số lượng sản xuất của ngành sản xuất đó; (2) Ngành sản xuất đó không phải do nhà nước sở hữu; (3) Những chi phí chính đầu vào (kể cả vật chất và phi vật chất) của việc sản xuất hàng hóa phải được thanh toán theo giá thị trường.

Tuy nhiên, trên thực tế, những tiêu chí này rất khó thỏa mãn và hiếm có trường hợp các DN sản xuất, xuất khẩu ở nước có nền KTPTT lại được coi là hoạt động theo cơ chế thị trường để được áp dụng các phương pháp kinh tế thị trường trong điều tra bán phá giá vào Hoa Kỳ.

Về nguyên tắc, địa vị nền KTPTT của một nước không phải là vĩnh viễn. Theo các cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO, địa vị nền KTPTT của Việt Nam sẽ chấm dứt vào năm 2019 hoặc trước đó, nếu nước nhập khẩu tuyên bố xóa bỏ địa vị này cho Việt Nam. Như vậy, Việt Nam sẽ “kiên nhẫn” chờ đợi đến năm 2019 hoặc là ngay từ bây giờ, Nhà nước cần khẩn trương thực hiện các chính sách nhằm thúc đẩy nhanh hơn quá trình chuyển đổi nền kinh tế cũng như tích cực vận động các nước đối tác sớm xóa bỏ địa vị nền KTPTT cho Việt Nam. Trên thực tế, một số nước đã thành công trong việc yêu cầu nước nhập khẩu ngừng áp dụng chế độ phi thị trường. Chẳng hạn, gần đây Hoa Kỳ đã công nhận nền kinh tế thị trường cho Nga, Kazakhstan và Ukraine. Trung Quốc cũng

đang thúc ép các đối tác thương mại, đặc biệt là các nước thuộc khu vực châu Á - Thái Bình Dương trao cho mình địa vị nền kinh tế thị trường. Các nước châu Mỹ Latinh, như Brazil, Argentina, Chile và Peru gần đây cũng đã công nhận địa vị nền kinh tế thị trường cho Trung Quốc.

3. Một số giải pháp nhằm bảo vệ các DN xuất khẩu

Quy chế nền KTPTT đã và đang mang lại rất nhiều bất lợi cho các DN xuất khẩu của Việt Nam trong các cuộc điều tra chống bán phá giá so với các DN thuộc các nền kinh tế thị trường. Để hạn chế sự bất lợi này, trước tiên, các DN là đối tượng của các cuộc điều tra chống bán phá giá cần tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để chứng minh rằng, ngành sản xuất của mình hoàn toàn hoạt động theo cơ chế thị trường và không chịu sự can thiệp nhiều từ phía Chính phủ. Về lâu dài, Nhà nước cần có những bước đi cần thiết để yêu cầu các nước đối tác xóa bỏ địa vị này cho Việt Nam. Muốn được thừa nhận là nền kinh tế thị trường thì đồng tiền của chúng ta phải có khả năng tự do chuyển đổi theo quy luật cung - cầu của thị trường; mức lương được thiết lập trên cơ sở tự do thỏa thuận; môi trường đầu tư nước ngoài thuận lợi; sở hữu nhà nước ở mức độ tối thiểu; giá cả chỉ bị can thiệp trong những lĩnh vực độc quyền tự nhiên và nền tư pháp độc lập.

Về giải pháp cụ thể:

- Chính phủ cần tích cực triển khai đàm phán song phương, đa phương để tranh thủ nhiều nước thừa nhận Việt Nam là nước có nền kinh tế thị trường, từ đó không áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với Việt Nam.

- Minh bạch hóa các chính sách kinh tế của Nhà nước đối với các DN, đặc biệt là DN có vốn đầu tư của Nhà nước để tránh tình trạng DN bị quy kết là được hưởng tài trợ từ Chính phủ. Dù bị coi là hoạt động trong nền KTPTT, song các DN tham gia xuất khẩu vẫn còn cơ

hội để thoát khỏi quy chế điều tra đặc biệt bằng cách chứng minh bản thân hoạt động theo nguyên lý thị trường. Trong đó, chứng cứ và lập luận đưa ra phải đảm bảo chứng minh được DN không bị chi phối, kiểm soát từ các cơ quan nhà nước. Muốn làm được điều này, ngay từ trong quan hệ nội địa, Nhà nước cần giới hạn và công khai sự can thiệp vào tổ chức, quản lý nội bộ, kế hoạch kinh doanh và các yếu tố kinh doanh cơ bản của DN. DN cần lưu giữ những tài liệu, sổ sách, chứng từ, hợp đồng... làm bằng chứng cho sự độc lập của mình khi quyết định các vấn đề trong kinh doanh.

- Cần chuẩn hóa theo thông lệ quốc tế hoạt động kế toán, thống kê, sổ sách, hình thức giao dịch ngoại thương... bằng quy định của pháp luật. Đây là vấn đề cần có sự hợp tác cả từ phía cơ quan nhà nước và DN với thái độ thượng tôn pháp luật.

- Phát triển các công ty luật có khả năng bảo vệ DN trước các vụ kiện bán phá giá; khuyến khích sử dụng dịch vụ tư vấn luật. Nâng cao trình độ của các luật sư, nhà quản trị xuất khẩu về kiến thức đối phó với các vụ kiện chống bán phá giá, cả khi DN là bị đơn, lẫn khi là nguyên đơn. Phổ biến kinh nghiệm và tổ chức huấn luyện đào tạo cho các DN đối phó với các vụ kiện chống bán phá giá.

- Dự báo danh mục các ngành hàng và các mặt hàng của Việt Nam có khả năng bị kiện phá giá; rà soát tình hình sản xuất, xuất khẩu từng ngành hàng của Việt Nam và cơ chế chống bán phá giá của từng quốc gia để định hướng cho các DN có sự phòng tránh cần thiết.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về thị trường xuất khẩu, về luật thương mại quốc tế, luật chống bán phá giá của các nước... và phổ biến, hướng dẫn cho các DN các thông tin cần thiết nhằm tránh những sơ hở dẫn đến các vụ kiện.

- Điều tiết xuất khẩu thông qua các công cụ, như thuế xuất khẩu, hạn ngạch, giấy phép

xuất khẩu... để tạo cơ cấu xuất khẩu hợp lý, giảm thiểu các vụ kiện chống bán phá giá ở các nước nhập khẩu.

- Phát huy vai trò của các hiệp hội ngành hàng trong việc tổ chức, tập hợp và tăng cường sự hợp tác giữa các DN trong ngành hàng nhằm nâng cao năng lực kháng kiện của các DN. Thông qua hiệp hội, quy định hành vi bảo vệ lẫn nhau, điều tiết xuất khẩu, phối hợp giá cả trên thị trường, tránh tình trạng cạnh tranh không lành mạnh có thể tạo ra lý do dẫn đến các vụ kiện của nước ngoài. Thiết lập cơ chế phối hợp trong tham gia kháng kiện và hưởng lợi khi kháng kiện thành công để khuyến khích các DN tham gia kháng kiện. Tổ chức cho các DN nghiên cứu thông tin về giá cả, định hướng phát triển thị trường, những quy định pháp lý của nước sở tại về chống bán phá giá... để các DN kháng kiện có hiệu quả, giảm bớt tổn thất do thiếu thông tin □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Thương mại, *Cơ sở khoa học áp dụng thuế chống bán phá giá đối với hàng nhập khẩu ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*, Đề tài NCKH cấp Bộ, HN. 2002
2. John H. Jackson, *Hệ thống thương mại thế giới - Luật và chính sách về các quan hệ kinh tế quốc tế*, Dịch giả: Phạm Viêm Phương, Huỳnh Văn Thanh, Nxb Thanh Niên, HN. 2001
3. TS. Nguyễn Hữu Khải, *Hàng rào phi thuế quan trong chính sách thương mại quốc tế*, Nxb Lao động - Xã hội, HN. 2005
4. Trần Thanh Long, *Thực trạng và giải pháp để DN Việt Nam vượt rào cản thương mại quốc tế*, Tạp chí Doanh nghiệp và Thương mại quốc tế, số 4, tháng 4/2010
5. Lưu Hương Ly, *Địa vị nền kinh tế thị trường và tác động đối với DN Việt Nam trong các cuộc điều tra chống bán phá giá*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 91, tháng 02/2007
6. Nguyễn Ngọc Sơn, Nguyễn Phi Thăng, *Những yếu tố làm giảm khả năng ứng phó của Việt Nam trong các vụ kiện bán phá giá*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 112, tháng 12/2007